

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
THƯƠNG
MẠI BIA SÀI
GÒN MIỀN
ĐÔNG**

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA
SÀI GÒN MIỀN ĐÔNG
DN: C=VN, S=Bình Dương,
L=Thuận An, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA
SÀI GÒN MIỀN ĐÔNG,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1
=MST:3700696229
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2018-10-02 10:00:37
Foxit Reader Version: 9.2.0

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN MIỀN ĐÔNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN MIỀN ĐÔNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	9

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN MIỀN ĐÔNG

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

Số 3700696229 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 17 tháng 3 năm 2006 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 5 tháng 11 năm 2013.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên
Bà Nguyễn Hương Giang	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Minh Tuấn	Trưởng ban
Bà Hoàng Thanh Vân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Cẩm Tâm	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Lộc	Giám đốc
Ông Ninh Văn Dũng	Phó Giám đốc

**Người đại diện theo
pháp luật**

Ông Nguyễn Văn Lộc	Giám đốc
--------------------	----------

Trụ sở chính

Số 46/19 Đường D1, Khu phố Bình Phú, Phường Bình Chuẩn, Thị Xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN MIỀN ĐÔNG

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 32. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Văn Lộc
Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 2 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN MIỀN ĐÔNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017, và được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 2 tháng 4 năm 2018. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

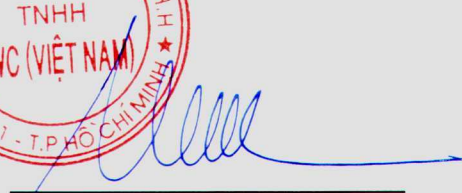
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

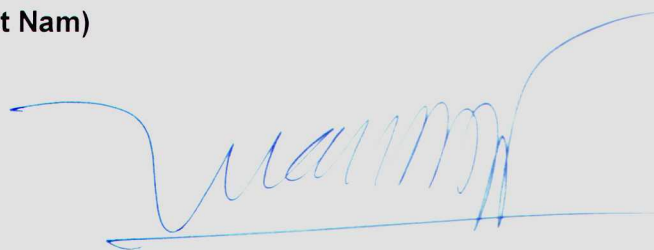
Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần vào ngày 28 tháng 2 năm 2017.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)




Lương Thị Ánh Tuyết
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2017-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM7160
TP. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 4 năm 2018


Nguyễn Vũ Anh Tuấn
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3631-2017-006-1

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		281.006.856.879	294.225.510.119
110	Tiền	3	147.130.239.979	85.451.369.707
111	Tiền		147.130.239.979	85.451.369.707
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		35.862.270.983	6.431.708.191
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	5.567.362.946	17.949.417
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	2.231.500.000	5.891.250.800
136	Phải thu ngắn hạn khác	6(a)	28.063.408.037	522.507.974
140	Hàng tồn kho	7	97.636.955.011	197.473.043.927
141	Hàng tồn kho		97.636.955.011	197.473.043.927
150	Tài sản ngắn hạn khác		377.390.906	4.869.388.294
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	377.390.906	-
152	Thuế GTGT được khấu trừ		-	4.869.388.294
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		79.731.952.031	83.601.079.734
210	Các khoản phải thu dài hạn		736.168.911	736.168.911
216	Phải thu dài hạn khác	6(b)	736.168.911	736.168.911
220	Tài sản cố định		25.277.227.009	23.280.271.209
221	Tài sản cố định hữu hình	8	25.277.227.009	23.280.271.209
222	Nguyên giá		58.001.346.392	52.669.685.038
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(32.724.119.383)	(29.389.413.829)
250	Đầu tư tài chính dài hạn		750.000.000	2.710.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	9	750.000.000	2.710.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		52.968.556.111	56.874.639.614
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	52.968.556.111	56.874.639.614
270	TỔNG TÀI SẢN		360.738.808.910	377.826.589.853

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

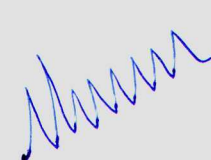
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN MIỀN ĐÔNG

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

Mã	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2017 VND	2016 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		250.627.813.910	279.946.450.429
310	Nợ ngắn hạn		250.627.813.910	277.307.450.429
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	96.519.680.950	134.850.316.146
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	143.856.454	89.003.735.722
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	13	36.004.112.559	705.014.300
314	Phải trả người lao động	14	9.008.317.534	7.442.303.249
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	7.725.384.922	19.499.567.320
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	92.481.102.283	17.213.829.807
320	Vay ngắn hạn	17(a)	2.639.000.000	3.456.300.000
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	6.106.359.205	5.136.383.885
330	Nợ dài hạn		-	2.639.000.000
338	Vay dài hạn	17(b)	-	2.639.000.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		110.110.995.000	97.880.139.424
410	Vốn chủ sở hữu		110.110.995.000	97.880.139.424
411	Vốn góp của chủ sở hữu	19, 20	40.210.000.000	40.210.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		40.210.000.000	40.210.000.000
415	Cổ phiếu quỹ	20	(301.120.000)	(301.120.000)
418	Quỹ đầu tư phát triển	20	17.389.686.931	17.389.686.931
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		52.812.428.069	40.581.572.493
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước	20	312.601.373	31.759.913.279
421b	- LNST chưa phân phối năm nay	20	52.499.826.696	8.821.659.214
440	TỔNG NGUỒN VỐN		360.738.808.910	377.826.589.853


Đào Thị Nguyệt
Người lập


Nguyễn Tử Thắng
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Lộc
Giám đốc
Ngày 2 tháng 4 năm 2018

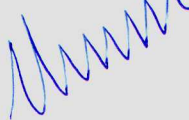
Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN MIỀN ĐÔNG

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2017 VND	2016 VND
01	Doanh thu bán hàng	4.696.246.928.226	4.361.204.937.510
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng	4.696.246.928.226	4.361.204.937.510
11	Giá vốn hàng bán	(4.375.943.815.048)	(4.156.448.666.848)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	320.303.113.178	204.756.270.662
21	Doanh thu hoạt động tài chính	4.359.403.242	662.241.306
22	Chi phí tài chính	(329.183.117)	(676.287.444)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(329.183.117)	(676.287.444)
25	Chi phí bán hàng	(218.985.905.968)	(205.128.855.749)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(18.683.696.725)	(14.411.174.753)
30	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	86.663.730.610	(14.797.805.978)
31	Thu nhập khác	93.121.556.680	35.460.002.788
32	Chi phí khác	(128.942.572)	(696.807.507)
40	Lợi nhuận khác	92.992.614.108	34.763.195.281
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	179.656.344.718	19.965.389.303
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(36.229.755.080)	(4.268.709.874)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	143.426.589.638	15.696.679.429
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33.055	2.210
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33.055	2.210


Đào Thị Nguyệt
Người lập

Nguyễn Tử Thắng
Kế toán trưởngNguyễn Văn Lộc
Giám đốc
Ngày 2 tháng 4 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN MIỀN ĐÔNG

Mẫu số B 03a – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	179.656.344.718	19.965.389.303
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	3.998.853.600	5.310.836.311
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(4.359.403.242)	(662.241.306)
06	Chi phí lãi vay	329.183.117	676.287.444
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	179.624.978.193	25.290.271.752
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(24.561.174.498)	88.926.664.252
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho	99.836.088.916	(77.445.271.883)
11	Giảm các khoản phải trả	(132.631.599.948)	(7.402.546.026)
12	Giảm chi phí trả trước	3.528.692.597	7.242.928.503
14	Tiền lãi vay đã trả	(329.183.117)	(685.965.119)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(10.445.250.216)	(11.327.475.090)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(10.539.027.622)	(9.482.398.359)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	104.483.524.305	15.116.208.030
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(5.995.809.400)	(970.795.278)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.850.221.664	-
27	Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	469.181.578	662.241.306
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	323.593.842	(308.553.972)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	(28.890.000)
34	Chi trả nợ gốc vay	(3.456.300.000)	(6.735.600.000)
36	Chi trả cổ tức cho chủ sở hữu	(39.671.947.875)	(3.137.574.360)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	(43.128.247.875)	(9.902.064.360)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	61.678.870.272	4.905.589.698
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 85.451.369.707	80.545.780.009
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 147.130.239.979	85.451.369.707

Đào Thị Nguyệt
Người lập

Nguyễn Tử Thắng
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Lộc
Giám đốc
Ngày 2 tháng 4 năm 2018

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Đông (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700696229 ngày 17 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất lần thứ 8 ngày 5 tháng 11 năm 2013.

Hoạt động chính của Công ty là buôn bán rượu, bia, nước giải khát, kinh doanh nhà hàng ăn uống, kinh doanh vận chuyển, kinh doanh kho bãi, mua bán cồn, mua bán các loại bao bì, tổ chức giới thiệu, xúc tiến thương mại và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Tây Ninh	2/20 QL22B, Long Trung, Xã Long Thành, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh
Chi nhánh Đồng Nai	Khu phố 8, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu	449, Bình Giã, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Chi nhánh Bình Phước	Đường Phú Riềng Đỏ, Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 566 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 596 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “đồng”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.7 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.8 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của các nhóm tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	6

Thanh lý

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.10 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.12 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.13 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ: là cổ phiếu do công ty phát hành và được mua lại bởi chính công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.15 Phân chia lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ cho việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

(b) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông, Quỹ được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.16 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với “bản chất hơn hình thức” và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong giai đoạn Công ty được quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.17 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.18 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.19 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

2.20 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, chủ yếu bao gồm các chi phí lương về nhân viên bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; chi phí quảng cáo; hoa hồng bán hàng; chi phí phân bổ, hao bể bao bì; chi phí vận chuyển, bốc vác; khấu hao TSCĐ dùng cho bán hàng.

2.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài; và chi phí bằng tiền khác.

2.22 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.23 Chia cổ tức**

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

2.24 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 TIỀN

	2017 VND	2016 VND
Tiền gửi ngân hàng	147.130.239.979	85.451.369.707

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba		
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	5.516.413.529	-
Khác	33.000.000	-
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	17.949.417	17.949.417
	5.567.362.946	17.949.417

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty không có khoản phải thu ngắn hạn nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Thiên Thành Đạt	2.052.000.000	4.560.000.000
Công ty TNHH MTV Mua Sắm Một Lần	-	853.600.000
Khác	179.500.000	477.650.800
	<u>2.231.500.000</u>	<u>5.891.250.800</u>

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**(a) Phải thu ngắn hạn**

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba		
Các khoản khác	643.533.679	522.507.974
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	27.419.874.358	-
	<u>28.063.408.037</u>	<u>522.507.974</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016, không có khoản phải thu ngắn hạn khác nào quá hạn hoặc còn trong hạn nhưng khó thu hồi.

(b) Phải thu dài hạn

	2017 VND	2016 VND
Đặt cọc thuê kho	717.549.000	717.549.000
Ký quỹ, ký cược	18.619.911	18.619.911
	<u>736.168.911</u>	<u>736.168.911</u>

7 HÀNG TỒN KHO

	2017 VND	2016 VND
Hàng đang đi trên đường	41.885.045.300	24.425.035.400
Công cụ, dụng cụ trong kho	306.047.750	4.620.689.820
Hàng hóa	55.445.861.961	168.427.318.707
	<u>97.636.955.011</u>	<u>197.473.043.927</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN MIỀN ĐÔNG

Mẫu số B 09 – DN

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				52.669.685.038
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	35.433.215.489	4.212.719.446	13.023.750.103	52.669.685.038
Mua trong năm	1.235.543.400	408.716.000	4.351.550.000	5.995.809.400
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(664.148.046)	(664.148.046)
Phân loại lại	-	(1.797.839.773)	1.797.839.773	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	36.668.758.889	2.823.595.673	18.508.991.830	58.001.346.392
Khấu hao lũy kế				29.389.413.829
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	19.551.511.392	1.589.437.380	8.248.465.057	29.389.413.829
Khấu hao trong năm	1.527.703.906	1.590.244.010	880.905.684	3.998.853.600
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(664.148.046)	(664.148.046)
Phân loại lại	-	(1.281.589.773)	1.281.589.773	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	21.079.215.298	1.898.091.617	9.746.812.468	32.724.119.383
Giá trị còn lại				23.280.271.209
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	15.881.704.097	2.623.282.066	4.775.285.046	23.280.271.209
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	15.589.543.591	925.504.056	8.762.179.362	25.277.227.009

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình của Công ty với tổng giá trị còn lại là 2.481.625.005 đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.176.541.672 đồng) đã được dùng làm tài sản thế chấp cho một khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 17).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 20.192.153.647 đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2016: 16.963.848.463 đồng).

9 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác như sau:

	2017 VND	2016 VND
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	<u>750.000.000</u>	<u>2.710.000.000</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này vì đây là khoản đầu tư tài chính dài hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán.

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	2017 VND	2016 VND
Công cụ, dụng cụ	<u>377.390.906</u>	<u>-</u>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	2017 VND	2016 VND
Vỏ, két, bao bì	11.691.258.824	12.452.640.887
Thuê đất (*)	38.636.770.331	39.655.865.603
Khác	2.640.526.956	4.766.133.124
	<u>52.968.556.111</u>	<u>56.874.639.614</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Quyền sử dụng đất của Công ty với tổng giá trị còn lại là 13.750.758.775 đồng (tại 31 tháng 12 năm 2016: 14.160.210.650 đồng) đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 17).

Biến động về chi phí trả trước trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	56.874.639.614	60.420.785.784
Tăng	17.518.703.936	1.124.323.423
Phân bổ trong năm	<u>(21.424.787.439)</u>	<u>(4.670.469.593)</u>
Số dư cuối năm	<u>52.968.556.111</u>	<u>56.874.639.614</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN MIỀN ĐÔNG

Mẫu số B 09 – DN

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba	-	160.000.000
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	96.519.680.950	134.690.316.146
	<u>96.519.680.950</u>	<u>134.850.316.146</u>

12 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba		
Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại và Dịch vụ Phương Hà	139.541.570	686.461.087
Công ty TNHH Thiên Thành Đạt	-	24.678.060.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thương Tới	-	17.900.913.000
Khác	4.314.884	38.120.851.416
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	-	7.617.450.219
	<u>143.856.454</u>	<u>89.003.735.722</u>

13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	2017 VND	2016 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8.920.540.998	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	26.229.755.080	445.250.216
Thuế thu nhập cá nhân	853.816.481	259.764.084
	<u>36.004.112.559</u>	<u>705.014.300</u>

Biến động về thuế và các khoản khác phải nộp ngân sách Nhà Nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	445.250.216	36.229.755.080	(10.445.250.216)	26.229.755.080
Thuế thu nhập cá nhân	259.764.084	4.112.120.030	(3.518.067.633)	853.816.481
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	38.530.856.431	(29.610.315.433)	8.920.540.998
Các loại thuế khác	-	726.328.125	(726.328.125)	-
Tổng cộng	<u>705.014.300</u>	<u>79.599.059.666</u>	<u>(44.299.961.407)</u>	<u>36.004.112.559</u>

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số dư thể hiện khoản tiền lương tháng 12 và khoản lương dựa trên kết quả công việc của năm 2017 phải trả cho nhân viên.

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2017 VND	2016 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng và khuyến mãi	4.122.000.000	16.018.969.628
Lãi vay	16.134.553	48.789.053
Khác	3.587.250.372	3.431.808.639
	<u>7.725.384.925</u>	<u>19.499.567.320</u>

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Cổ tức phải trả	80.553.455.325	538.672.080
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.720.663.200	16.344.842.800
Khác	206.983.758	330.314.927
	<u>92.481.102.283</u>	<u>17.213.829.807</u>

17 VAY**(a) Ngắn hạn**

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.12.2017 VND
Vay dài hạn đến hạn trả	<u>3.456.300.000</u>	<u>2.639.000.000</u>	<u>(3.456.300.000)</u>	<u>2.639.000.000</u>

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.12.2017 VND
Vay ngân hàng	<u>2.639.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(2.639.000.000)</u>	<u>-</u>

(*) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) ("Ngân hàng") theo khế ước nhận nợ số 0178/KU'NN2-VIB613/13 ngày 24 tháng 1 năm 2014. Khoản vay được dùng để tái tài trợ đầu tư mở rộng văn phòng, nhà kho chứa bia tại Bình Dương. Khoản vay chịu lãi suất tại thời điểm giải ngân là 8,0%/năm và được điều chỉnh 6 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng giá trị Quyền sử dụng đất (Thuyết minh 10) và giá trị tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 8).

18 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	2017 VND	2016 VND
Quỹ khen thưởng	3.457.298.630	3.727.272.987
Quỹ phúc lợi	2.649.060.575	1.409.110.898
	<u>6.106.359.205</u>	<u>5.136.383.885</u>

Biến động về quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	5.136.383.885	7.743.762.029
Tăng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 20)	11.509.002.942	6.875.020.215
Sử dụng trong năm	(10.539.027.622)	(9.482.398.359)
Số dư cuối năm	<u>6.106.359.205</u>	<u>5.136.383.885</u>

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	2017 Cổ phiếu phổ thông	2016 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>4.021.000</u>	<u>4.021.000</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	4.021.000	4.021.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(30.112)	(30.112)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>3.990.888</u>	<u>3.990.888</u>

19 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	2017		2016	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	3.618.900	91	3.618.900	91
Cổ đông khác	371.988	9	371.988	9
	<u>3.990.888</u>	<u>100</u>	<u>3.990.888</u>	<u>100</u>

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2017	<u>4.021.000</u>	<u>40.210.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN MIỀN ĐÔNG

Mẫu số B 09 – DN

20 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	40.210.000.000	(272.230.000)	17.389.686.931	34.957.540.479	92.284.997.410
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	15.696.679.429	15.696.679.429
Chia cổ tức	-	-	-	(3.197.627.200)	(3.197.627.200)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 28)	-	-	-	(6.875.020.215)	(6.875.020.215)
Các thay đổi khác	-	(28.890.000)	-	-	(28.890.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	40.210.000.000	(301.120.000)	17.389.686.931	40.581.572.493	97.880.139.424
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	143.426.589.638	143.426.589.638
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(119.686.731.120)	(119.686.731.120)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(11.509.002.942)	(11.509.002.942)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	40.210.000.000	(301.120.000)	17.389.686.931	52.812.428.069	110.110.995.000

(*) Chia cổ tức và trích quỹ khen thưởng phúc lợi được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 6 tháng 5 năm 2017.

21 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và nắm giữ làm cổ phiếu quỹ.

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12	
	2017	2016
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	143.426.589.638	15.696.679.429
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(11.509.002.942)	(6.875.020.215)
	<u>131.917.586.696</u>	<u>8.821.659.214</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	3.990.888	3.991.129
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	<u>33.055</u>	<u>2.210</u>

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm 2017 dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 của Công ty do cổ phần quyết định trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 của công ty theo Quyết định của Hội đồng Quản trị.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm trong năm.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

22 KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Hàng hóa nhận giữ hộ**

	2017 VND	2016 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ	<u>113.910.802.610</u>	<u>81.723.197.600</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN MIỀN ĐÔNG

Mẫu số B 09 – DN

23 DOANH THU THUẦN

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán bia	<u>4.696.246.928.226</u>	<u>4.361.204.937.510</u>

24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn bán bia	<u>4.375.943.815.048</u>	<u>4.156.448.666.848</u>

25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Lãi bán các khoản đầu tư	3.890.221.664	-
Lãi tiền gửi	385.218.538	662.241.306
Cổ tức	83.963.040	-
	<u>4.359.403.242</u>	<u>662.241.306</u>

26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền vay	<u>329.183.117</u>	<u>676.287.444</u>

27 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2017 VND	2016 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng	123.519.470.427	114.611.479.915
Chi phí nhân viên	28.963.217.868	23.483.581.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.373.205.920	4.981.737.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.015.381.711	46.694.632.407
Chi phí bằng tiền khác	14.114.630.042	15.357.424.546
	<u>218.985.905.968</u>	<u>205.128.855.749</u>

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	13.617.119.894	12.128.085.939
Chi phí khấu hao tài sản cố định	625.647.680	329.098.523
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.096.736.339	273.067.734
Chi phí bằng tiền khác	3.344.192.812	1.680.922.557
	<u>18.683.696.725</u>	<u>14.411.174.753</u>

29 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Thu nhập khác		
Hỗ trợ bán hàng từ bên liên quan (Thuyết minh 32(a))	75.223.083.161	19.908.486.360
Nhận vật phẩm hỗ trợ bán hàng từ bên liên quan (Thuyết minh 32(a))	10.461.069.000	13.179.182.321
Lãi do thanh lý vỏ chai, bao bì	7.031.571.000	2.372.334.107
Lãi do thanh lý tài sản cố định	405.833.519	-
	<u>93.121.556.680</u>	<u>35.460.002.788</u>
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	128.942.572	-
Giá trị còn lại của vỏ chai, bao bì	-	500.824.108
Khác	-	195.983.399
	<u>128.942.572</u>	<u>696.807.507</u>
Lợi nhuận khác	<u>92.992.614.108</u>	<u>34.763.195.281</u>

30 THUẾ

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất hiện hành như sau:

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	179.656.344.718	19.965.389.303
Thuế tính ở thuế suất 20%	35.931.268.944	3.993.077.861
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	298.486.136	163.546.119
Khác	-	112.085.894
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	36.229.755.080	4.268.709.874
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	36.229.755.080	4.268.709.874
	36.229.755.080	4.268.709.874

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

31 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2017 VND	2016 VND
Hỗ trợ bán hàng	123.519.470.427	114.611.479.915
Chi phí nhân viên	42.580.337.762	35.611.667.032
Chi phí khấu hao	3.998.853.600	5.310.836.311
Dịch vụ mua ngoài	50.112.118.050	46.967.700.141
Chi phí bằng tiền khác	17.458.822.854	17.038.347.103
	237.669.602.693	219.540.030.502

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN MIỀN ĐÔNG

Mẫu số B 09 – DN

32 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn (“Công ty mẹ”) do chiếm 91% vốn điều lệ của Công ty.

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	2017 VND	2016 VND
(i) Doanh thu bán hàng và dịch vụ				
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Đồng Nai	Công ty trong tập đoàn Sabeco	Bán bia	485.194.000	-
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Bán bia	-	336.150.000
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Công ty trong tập đoàn Sabeco	Bán bao bì	-	14.912.484.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	Công ty trong tập đoàn Sabeco	Bán bia	-	67.515.000
			<u>485.194.000</u>	<u>15.316.149.000</u>
(ii) Doanh thu bán hàng và dịch vụ				
Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Công ty trong tập đoàn Sabeco	Mua bia	<u>4.287.461.954.540</u>	<u>4.232.209.575.255</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN MIỀN ĐÔNG

Mẫu số B 09 – DN

32 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	2017 VND	2016 VND
(iii) Trả cổ tức				
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Trả cổ tức	36.152.811.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Công ty trong tập đoàn Sabeco	Trả cổ tức	-	2.895.120.000
(iv) Thu cổ tức				
Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Thu cổ tức	83.963.040	83.932.240
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	Công ty trong tập đoàn Sabeco	Thu cổ tức	-	29.978.000
			83.963.040	113.910.240
(v) Thu nhập khác (Thuyết minh số 29)				
Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Hỗ trợ bán hàng	75.223.083.161	11.695.508.025
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Công ty trong tập đoàn Sabeco	Vật phẩm quảng cáo	10.461.069.000	-
		Hỗ trợ bán hàng	-	19.908.486.360
			85.684.152.161	31.603.994.385

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN MIỀN ĐÔNG

Mẫu số B 09 – DN

32 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	2017 VND	2016 VND
(vi) Chi phí khác				
	Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Công ty trong tập đoàn Sabeco	1.338.150.549	1.954.350.234
(vii) Các khoản chi cho nhân sự quản lý chủ chốt				
	Lương và các quyền lợi gộp khác		1.846.827.500	802.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA SÀI GÒN MIỀN ĐÔNG

Mẫu số B 09 – DN

32 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	2017 VND	2016 VND
(i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)				
Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn	Công ty trong tập đoàn Sabeco	Dịch vụ	17.949.417	17.949.417
(ii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 6(a))				
Tổng công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Công ty mẹ	Hỗ trợ bán hàng	27.419.874.358	-
(iii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 11)				
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Công ty trong tập đoàn Sabeco	Mua bia	96.519.680.950	134.690.316.146
(iv) Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 12)				
Công ty TNHH một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	Công ty trong tập đoàn Sabeco	Hỗ trợ kinh phí bán hàng	-	7.617.450.219

33 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2017 VND	2016 VND
Dưới 1 năm	7.912.500.000	7.223.045.455
Từ 1 đến 5 năm	25.674.000.000	26.384.181.818
Trên 5 năm	8.040.000.000	15.219.738.636
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	41.626.500.000	48.826.965.909

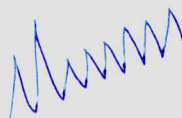
34 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại cho việc trình bày báo cáo tài chính năm hiện hành.

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê duyệt ngày 2 tháng 4 năm 2018.



Đào Thị Nguyệt
Người lập



Nguyễn Tử Thắng
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Lộc
Giám đốc